

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 243/2019/DS-ST
Ngày: 21-8-2019
V/v tranh chấp “hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1917/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1973,

Địa chỉ: 99/4 ấp TL, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1967 và ông Hồ Văn P, sinh năm 1970,

Cùng địa chỉ: K2, thị trấn TP, huyện P, tỉnh Bến Tre

(Tất cả cùng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn là chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Vào ngày 15/9/2017 chị có chơi nhiều dây hội do bà Lê Thị Đ làm chủ hội, tất cả các dây hội đã mãn, chị đóng hội đầy đủ nhưng không được hốt hội. Tổng kết số tiền hội bà Đ nợ của chị là 538.200.000 đồng. Chị và bà Đ đến Văn phòng Công chứng P làm văn bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 04/3/2019. Theo văn bản xác nhận nợ chị và bà Đ thỏa thuận thời hạn trả số tiền nợ là:

Ngày 19/3/2019 trả 10.000.000 đồng; ngày 03/4/2019 trả 10.000.000 đồng; ngày 18/4/2019 trả 10.000.000 đồng; ngày 02/5/2019 trả 10.000.000 đồng; số tiền còn lại trả hết vào ngày 17/5/2019.

Tuy nhiên, sau đó bà Đ chỉ trả được 40.000.000 đồng; còn lại 498.200.000 đồng hện trả vào ngày 17/5/2019 nhưng đến nay chưa trả.

Bà Đ làm chủ hội để lấy tiền hoa hồng tạo thu nhập cho gia đình, ông Hồ Văn P là chồng của bà Đ cùng thống nhất trả số tiền nợ cùng bà Đ.

Tại tòa, chị yêu cầu bà Đ và ông P có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền nợ hội là 498.200.000 đồng, yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi. Ý kiến của bà Đ và ông P là yêu cầu được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng chị không đồng ý.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại tòa bị đơn là bà Lê Thị Đ trình bày:

Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Thanh T về việc chị T có chơi nhiều dây hội do bà làm chủ hội; về số tiền nợ hội sau khi tổng kết hội là 538.200.000 đồng; về thỏa thuận trả nợ giữa bà và chị T được lập tại Văn bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 04/3/2019 tại Văn phòng Công chứng P. Sau khi bà và chị T thỏa thuận thời hạn trả nợ bà chỉ trả được 40.000.000 đồng; còn lại số nợ 498.200.000 đồng bà hứa trả đủ vào ngày 17/5/2019 nhưng đến nay không trả được.

Việc bà làm chủ hội là để có tiền hoa hồng tạo thu nhập cho gia đình, ông Hồ Văn P là chồng bà cũng thống nhất số tiền nợ chị T là khoản nợ chung của hai vợ chồng. Nguyên nhân bà không giao tiền hội cho chị T là do trong các dây hội có nhiều người hốt hội nhưng không đóng hội.

Tại tòa, bà và ông P đồng ý liên đới trả cho chị T số tiền nợ hội là 498.200.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà và ông P không có khả năng trả hết một lần số tiền trên, đề nghị chị T cho vợ chồng bà được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Văn P trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Lê Thị Đ là vợ chồng ông còn nợ của chị Lê Thị Thanh T là 498.200.000 đồng. Tại tòa ông đồng ý liên đới cùng bà Đ trả cho chị T số tiền nợ hội là 498.200.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng trả hết một lần số tiền trên, đề nghị chị T cho vợ chồng ông được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện nguyên đơn Lê Thị Thanh T yêu cầu bị đơn Lê Thị Đ và Hồ Văn P trả tiền nợ; do không trình bày rõ là tiền nợ vay hay nợ hội nên Tòa án thụ lý tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”; tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cả chị T và bà Đ cùng thống nhất đây là số tiền nợ hội nên đây là tranh chấp “hợp đồng góp hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Lê Thị Đ và Hồ Văn P có nơi cư trú tại k2, thị trấn TP,

huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[3] Về nội dung: quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Thị Thanh T và bị đơn Lê Thị Đ thống nhất việc chị T có tham gia chơi hụi do bà Đ làm chủ hụi, hợp đồng góp hụi giữa chị T và bà Đ được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị T và bị đơn là bà Đ và ông P cùng thống nhất số tiền nợ hụi bà Đ và ông P còn nợ chị T là 498.200.000 đồng; bà Đ và ông P đồng ý có trách nhiệm liên đới trả cho chị T số tiền nợ hụi trên. Do đó, chị T yêu cầu bà Đ và ông P có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi là 498.200.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường, Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bà Đ và ông P trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên yêu cầu được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu trả dần của Đ và ông P là không phù hợp vì bà Đ là chủ hụi, sau khi các thành viên góp hụi thì bà Đ có trách nhiệm giao tiền hụi cho các hụi viên. Trước khi khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết chị T cũng đã tạo điều kiện cho bà Đ và ông P trả dần số tiền nợ hụi nhưng bà Đ và ông P đã không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận; yêu cầu trả dần của bà Đ và ông P tại tòa không được chị T chấp nhận nên buộc bà Đ và ông P phải có trách nhiệm liên đới trả hết một lần số tiền nợ hụi 498.200.000 đồng cho chị T.

[6] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Thanh T. Buộc bà Lê Thị Đ và ông Hồ Văn P có trách nhiệm liên đới trả cho chị Lê Thị Thanh T số tiền 498.200.000 (bốn trăm chín mươi tám triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Đ và ông Hồ Văn P có trách nhiệm liên đới nộp 23.928.000 (hai mươi ba triệu chín trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

Chị Lê Thị Thanh T được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.964.000 đồng theo biên lai thu số 0003924 ngày 24 tháng 6 năm 2019.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh